UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3646

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

ÁP LỰC XÃ HỘI LÊN MẸ KẾ TRONG VIỆC NUÔI DẠY CON CHỒNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG Á THÔNG QUA CÁC NGHIÊN CỨU

Trần Thị Mỹ Linh
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Tác giả liên hệ: Trần Thị Mỹ Linh - Email: 23831060223@hcmussh.edu.vn
Ngày nhận bài: 11-5-2025; ngày nhận bài sửa: 27-10-2025; ngày duyệt đăng: 05-11-2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung vào áp lực xã hội đáng kể mà mẹ kế phải đối mặt trong quá trình nuôi dạy con riêng tại một số quốc gia Đông Á. Áp lực này không chỉ tạo ra những thách thức lớn cho người mẹ kế mà còn tác động đến gia đình và cộng đồng. Nguồn gốc áp lực này liên quan đến những định kiến văn hóa lịch sử, khi hình ảnh mẹ kế thường bị khắc họa tiêu cực trong văn học, nghệ thuật, làm nảy sinh quan niệm xã hội nghi ngờ khả năng yêu thương và nuôi dạy con riêng của họ do không cùng huyết thống. Bằng phương pháp phân tích định tính và tổng hợp các điểm chủ chốt từ các nghiên cứu liên quan, bài viết này khái quát hóa cơ sở lý luận về những áp lực xã hội, tập trung thảo luận về mong muốn được công nhận là một người mẹ thật sự của mẹ kế và chỉ ra nhu cầu thiết yếu về sự hỗ trợ xã hội đối với các gia đình tái hôn, nhằm giúp mẹ kế giải quyết những áp lực khi nuôi dạy con riêng.

Từ khóa: áp lực xã hội; con chồng; mẹ kế.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, ở bất cứ quốc gia hay nền văn hóa nào, sự xuất hiện của các gia đình có con riêng không còn xa lạ khi tỷ lệ ly hôn và tái hôn ngày càng lớn (Ortiz-Ospina Esteban & Roser Max, 2020). Tuy nhiên, tại khu vực Đông Á, những định kiến xã hội vẫn tồn tại mạnh mẽ và tạo nên áp lực đáng kể lên người mẹ kế trong việc chăm sóc và nuôi dạy con riêng của chồng. Áp lực này bắt nguồn từ hệ tư tưởng văn hóa truyền thống , đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc từ chế độ gia trưởng phụ quyền của Nho giáo, với việc đề cao quan hệ huyết thống chính thống. Từ đó mới có quan niệm cho rằng chỉ có mẹ ruột mới có "bản năng" nuôi dưỡng, yêu thương và khả năng bẩm sinh trong việc nuôi dạy con cái (Nielsen Linda, 1999) hay là mẹ kế đến với gia đình nhằm mục đích xấu, chiếm đoạt tình yêu thương của cha của con riêng như trong truyện cổ tích (Bahn Geon Ho & Hong Minha, 2019),…

Nhưng trên thực tế, ngoại trừ một số ít câu chuyện ngược đãi con chồng trên phương tiện truyền thông và sách báo mà chúng ta thỉnh thoảng nhìn thấy, thì các mẹ kế đều là những người phụ nữ bình thường có mong muốn được yêu thương và sống hạnh phúc trong gia đình nhỏ của mình (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018). Việc liên tục miêu tả về một nhóm người nào theo cách tiêu cực - đặc biệt là khi so sánh họ với một nhóm khác có đức tính đáng được tôn vinh (cụ thể là giữa mẹ ruột và mẹ kế) thì sẽ ảnh hưởng đến cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành xử. Bởi vì chúng ta có xu hướng tìm kiếm và ghi nhớ những đặc điểm mà chúng ta được dạy để tin rằng chúng đại diện cho những nhóm người nhất định đó (Nielsen Linda, 1999).

Không giống như hình ảnh của người mẹ kế trong truyện cổ tích ngày xưa, hiện nay nhiều bộ phim truyền hình nâng cao hình ảnh của mẹ kế là một người nhân hậu, yêu thương con chồng và nhất là khẳng định vai trò của người phụ nữ trong gia đình (Wu Ziyue, 2023). Nhưng những định kiến đó vẫn còn tồn tại trong đời sống hàng

Cite this article as: Tran, T. M. L. (2025). Social Pressures on Stepmothers in Raising Stepchildren in Selected East Asian Countries: A Review of Studies. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *15*(02), 137-145.
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3646

ngày. Vì vậy, nghiên cứu thực hiện nhằm mục đích phân tích và khái quát hóa những áp lực văn hóa, xã hội đang đè nặng lên vai trò của người mẹ kế trong việc nuôi dạy con riêng tại Đông Á trong bối cảnh hiện đại. Bên cạnh đó, đề xuất các giải pháp nhằm "bình thường hóa" cái nhìn của xã hội về vai trò mẹ kế và gia đình tái hôn, tạo môi trường xã hội thân thiện hơn để các mẹ kế có thể thực hiện tốt chức năng làm mẹ của mình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu định tính thứ cấp (Secondary Qualitative Data Analysis). Mục đích là nhằm tổng hợp, phân tích và khái quát hóa một cách hệ thống những áp lực văn hóa, xã hội tác động lên vai trò của mẹ kế trong quá trình nuôi dạy con riêng tại các quốc gia Đông Á.

Về quy trình thu thập và lựa chọn tài liệu, nghiên cứu tiến hành thu thập các công trình học thuật (bài báo, luận văn, sách chuyên khảo) liên quan trực tiếp đến áp lực của mẹ kế và gia đình tái hôn, đặc biệt là những nghiên cứu tập trung vào bối cảnh văn hóa Đông Á và Đông Nam Á (cụ thể là Việt Nam) để có sự đối chiếu. Tiêu chí lựa chọn tài liệu bao gồm các nghiên cứu có đề cập đến áp lực xã hội lên mẹ kế không có con riêng, trong việc nuôi dạy con riêng của chồng có độ tuổi từ 3 đến dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, về chủ đề liên quan đến mẹ kế, cụ thể là áp lực của việc làm mẹ kế trong việc nuôi dạy con chồng cho đến nay vẫn còn rất ít công trình nghiên cứu.

Về quy trình phân tích, nghiên cứu thực hiện việc phân tích nội dung và so sánh liên tục các điểm chủ chốt trong các nghiên cứu đã được chọn lọc. Quy trình này giúp xác định và khái quát hóa những vấn đề cốt lõi về áp lực xã hội và văn hóa, từ đó xây dựng các luận cứ và cơ sở lý thuyết để làm rõ mong muốn và nhu cầu hỗ trợ xã hội của mẹ kế trong gia đình tái hôn.

Tuy nhiên, do bài viết là tổng quan phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu có sử dụng các tài liệu từ các khu vực lân cận như Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ Đông Nam Á (ví dụ: Singapore, Hồng Kông) nơi có sự giao thoa văn hóa và hệ tư tưởng tương đồng về quan niệm gia đình và vai trò mẹ kế. Các nghiên cứu từ các khu vực ngoài châu Á (ví dụ: Mỹ) được sử dụng chỉ với mục đích tham chiếu lý thuyết và so sánh tính phổ quát của các áp lực làm mẹ và không phải là đối tượng phân tích chính. Việc này nhằm mục đích củng cố cơ sở lý luận, nhưng vẫn đảm bảo trọng tâm phân tích chính luôn xoay quanh bối cảnh văn hóa Đông Á.

3. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Gia đình tái hôn (reconstituted family) là loại gia đình đa hôn biến dạng (Mai Huy Bích, 2010) "trong đó ít nhất một trong hai vợ chồng đã từng kết hôn từ đó, nhưng ly hôn rồi tái hôn". Việc ly hôn rồi tái hôn có thể diễn ra nhiều lần nhưng vẫn theo quy định của pháp luật với chế độ một vợ một chồng hiện nay. Trong gia đình tái hôn, các con riêng sẽ gọi người vợ sau của chồng là mẹ kế.

Mẹ kế (stepmother) là những phụ nữ kết hôn hoặc sống chung với bạn đời có con từ các cuộc hôn nhân trước (Ritzer George, 2007). Trong tiếng Việt "mẹ kế", "mẹ ghẻ", "dì ghẻ" đều chỉ người vợ kế của cha (Hoàng Phê, 2021). Không có một cách gọi là chuẩn mực hay cố định cho vai trò này trong gia đình Việt mà có sự đa dạng tùy thuộc vào vùng miền và văn hóa riêng của địa phương, có cả dùng các danh từ chỉ họ hàng để gọi bố mẹ kế: bố, mẹ, bố dượng, mẹ kế, bác, cô, chú, dì… (Mai Huy Bích, 2010). Cách gọi "dì ghẻ" là ghẻ lạnh và không phải mẹ, điều này là phiến diện và thiếu thiện cảm đối với vai trò của người mẹ kế (Nguyễn Thúy Nga, 2014). Trong nghiên cứu này, để không mang cái nhìn phiến diện, sẽ dùng từ "mẹ kế" để chỉ người vợ kế tiếp của người bố và của con riêng của chồng.

Áp lực xã hội (social pressure) là sự gây ảnh hưởng lên một hoặc nhóm người bởi một hoặc nhóm khác bằng những lập luận và thuyết phục hợp lý (ảnh hưởng thông tin), kêu gọi tuân thủ (ảnh hưởng chuẩn mực) và các hình thức ảnh hưởng trực tiếp. Những ảnh hưởng này làm cho đối tượng bị gây áp lực có suy nghĩ và hành động theo một cách nhất định. Áp lực xã hội có thể khuyến khích những hành động tích cực, như trở nên tử tế hoặc làm việc chăm chỉ, và cả thúc đẩy hướng tới những hành vi tiêu cực như tuân thủ chuẩn mực có hại hoặc tham gia vào các hoạt động rủi ro chỉ để hòa nhập (Association American Psychological, 2018).

Trong nghiên cứu này, đã tận dụng hai lý thuyết chính về gia đình là lý thuyết tương tác biểu trưng và kiến tạo xã hội. Lý thuyết tương tác biểu trưng (symbolic interactionism) là một khung lý thuyết và quan điểm cấp vi mô trong xã hội học nhằm giải quyết cách xã hội được tạo ra và duy trì thông qua các tương tác lặp đi lặp lại giữa các cá nhân (Carter Michael J & Fuller Celene,

2015). Thông qua cái nhìn, quan điểm và tương tác với người khác, nhất là từ những người quan trọng, đối tượng hình thành nên quan niệm phát triển và sự thay đổi của bản thân. Áp dụng vào mối quan hệ mẹ kế - con riêng, đây là một quá trình tương tác hai chiều, nơi vai trò làm mẹ được định hình qua kinh nghiệm chung. Mẹ kế ảnh hưởng đến quá trình giáo dục và tâm lý của con riêng với tư cách là người chăm sóc chính, và ngược lại, thái độ, nhận định (tích cực hoặc tiêu cực) của con riêng tác động sâu sắc đến tâm lý, tư duy và hành động của mẹ kế, từ đó góp phần củng cố hoặc thách thức vai trò của họ. Lý thuyết kiến tạo xã hội (social constructivism) là các hiện tượng tưởng chừng như đương nhiên, tự nhiên nhưng thực ra được tạo nên từ xã hội. Lý thuyết này tập trung nhiều vào nhận thức, sự phát triển nhận thức của một người cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa mà họ tham gia, gồm ngôn ngữ, lịch sử và bối cảnh xã hội. Từ nhận thức của một người và nhóm người đã tạo nên những định nghĩa được nhiều người trong xã hội chấp nhận liên quan đến sự sáng tạo hay kiến giải về mặt văn hóa (Mai Huy Bích, 2010). Việc nuôi con nhỏ của chồng không chỉ có sự liên quan trong mối quan hệ giữa mẹ kế và con riêng mà còn chịu sự tác động từ phía xã hội. Cụ thể, cả mẹ kế và con riêng đều có thể bị ảnh hưởng và chi phối trong nhận thức và hành động bởi những người xung quanh và quan điểm của họ - kết quả được tạo nên từ văn hóa xã hội.

Lý thuyết nhu cầu của A. Maslow hay hệ thống nhu cầu của Maslow là một lý thuyết về tâm lý học từ Abraham Maslow trong "A Theory of Human Motivation" được mô tả theo hình dạng của một kim tự tháp với những nhu cầu cơ bản nhất ở phía dưới đi đến cao cấp nhất ở đỉnh phía trên của tháp cũng được sử dụng ở phần thảo luận cho chủ đề của nghiên cứu. Từ việc đáp ứng được các nhu cầu cơ bản nhất, thì con người mới có động lực để đạt được nhu cầu cấp cao hơn. Có thể điểm qua năm tầng kim tự tháp nhu cầu Maslow theo thứ tự cơ bản đến cao cấp gồm: (1) nhu cầu về "thể lý" (physiological) - nhu cầu cơ bản để tồn tại như ăn uống, nơi ở, sinh lý; (2) nhu cầu an toàn (safety) - cảm giác yên tâm về bản thân, gia đình, công việc hay tài sản; (3) nhu cầu cảm xúc (love/belonging) - hòa nhập cộng đồng, có gia đình, bạn bè; (4) nhu cầu được tôn trọng (esteem) - cảm giác được tôn trọng, kính mến, được tin tưởng; (5) nhu cầu về tự thể hiện bản thân cường độ cao (self - actualization) - muốn thể hiện bản thân và được công nhận là thành đạt (Mcleod Saul, 2024).

Trải qua hơn hai thập kỷ sau khi bước vào thế kỷ XXI, trong khi xã hội đã có những chuyển biến mới về tư tưởng và văn hóa có thể kể đến một số tiêu biểu như: sự kỳ thị người đồng tính ngày càng bị xóa nhòa và đã hợp pháp tại Thái Lan khi được thông qua luật hôn nhân đồng giới vào đầu năm 2025, công nghiệp tình dục phát triển mạnh mẽ ở đất nước mang đậm văn hóa truyền thống Nhật Bản,… Thế nhưng làm mẹ kế vẫn còn được xem là công việc căng thẳng nhất (Bahn Geon Ho & Hong Minha, 2019).

Nguyên nhân căng thẳng của mẹ kế ở phương Tây, tham khảo cụ thể từ nghiên cứu tại Mỹ xuất phát từ bốn vấn đề: (1) thái độ của xã hội về việc làm mẹ của mẹ kế, (2) tính cách, thái độ và hoàn cảnh của người mẹ ruột và người mẹ kế, (3) thái độ của người bố và mối quan hệ của ông với vợ cũ, (4) tính cách và tâm lý của con riêng (Nielsen Linda, 1999). Trong bốn yếu tố trên, trong khi yếu tố đến từ xã hội xếp đầu tiên, thì ba yếu tố còn lại hoàn toàn xuất phát từ các thành viên trong gia đình (bố mẹ ruột của con riêng và con riêng). Tuy nhiên, ở phương Đông, bên cạnh sự áp lực của người mẹ qua sự can thiệp của gia đình nhà chồng nghiên cứu tại Hồng Kông, vấn đề gây ra căng thẳng ở 10 người mẹ kế tham gia khảo sát có mạnh mẽ từ yếu tố xã hội với những giá trị truyền thống văn hóa đi cùng sự can thiệp từ phía gia đình người chồng vào ngay cả chuyện cá nhân của người mẹ kế (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018). Nghiên cứu chứng minh cho lập luận này còn được thể hiện tại Singapore qua kết quả khảo sát 54 người mẹ kế tại đây (Webber Ruth, 2003) phản ánh được những áp lực từ các phía nêu trên. Để mẹ kế thích nghi được với cuộc sống hôn nhân thì họ phải nỗ lực với thái độ chấp nhận tình huống, kiên trì và được sự hỗ trợ từ chồng, từ con riêng. Bên cạnh đó, đời sống tôn giáo lấy gia đình làm trung tâm hay mạng xã hội cũng có tác động đến tâm lý người mẹ kế (정옥분, 1997). Các nghiên cứu tại Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc kể trên đã cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong văn hóa phương Đông và phương Tây. Hơn nữa, các nghiên cứu này đã giải thích khó khăn của mẹ kế thường xuất phát từ sự kỳ thị xã hội đối với việc tái hôn và vai trò của mẹ kế trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Có thể nói rằng tại các quốc gia Đông Á, nền văn hóa truyền thống lâu

đời như Nho giáo đã mang tính khắt khe và tạo nên những áp lực không đáng có đối với vai trò làm mẹ kế.

Trong quy định của pháp luật hầu hết các quốc gia Đông Á, sau khi ly hôn người mẹ được quyền nuôi con nếu con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, đối với trẻ em (con nhỏ) từ 36 tháng tuổi đến dưới 18 tuổi (độ tuổi trưởng thành của nhiều nước châu Á) thì người bố cũng có quyền nuôi con tùy theo quy định của pháp luật và sự thỏa thuận giữa bố mẹ ruột của trẻ. Việc nuôi dạy trẻ em từ lúc sinh ra, trải qua độ tuổi dậy thì và đến lúc trưởng thành là một việc mà ngay cả mẹ ruột cũng có thể gặp nhiều khó khăn. Đối với trẻ em đã chứng kiến sự đổ vỡ trong hôn nhân của bố mẹ ruột thì việc chăm sóc và giáo dục càng khó hơn so với những đứa trẻ khác, nếu trẻ đã bị ảnh hưởng tâm lý.

Cho đến thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI chưa có nghiên cứu nào cho thấy có sự thay đổi hoặc tiêu giảm các áp lực mà người mẹ kế phải đối mặt tại Đông Á. Cụ thể, những nghiên cứu tiêu biểu về áp lực từ xã hội lên mẹ kế trong việc nuôi dạy con nhỏ của chồng tại Đông Á trong vòng 10 năm nay vẫn chưa có. Thay vào đó, một điều mang tính tích cực có thể nhìn thấy là hình ảnh người mẹ kế trong mắt xã hội dần thay đổi thể hiện qua những bộ phim truyền hình đã nâng cao hình ảnh nhân hậu, yêu thương con chồng của mẹ kế và nhất là khẳng định vai trò của người phụ nữ trong gia đình ở thời hiện đại (Wu Ziyue, 2023).

Các nghiên cứu vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI tại Singapore, Hồng Kông và Hàn Quốc về áp lực làm mẹ kế đã tập trung vào khía cạnh văn hóa trong gia đình và xã hội ở Đông Á. Từ đó, cung cấp cái nhìn sâu sắc vào các vấn đề mà mẹ kế phải đối mặt từ áp lực văn hóa đến sự can thiệp của gia đình chồng và xã hội xung quanh. Vì vậy, có thể tận dụng và phân loại các áp lực của mẹ kế theo nghiên cứu: (1) Áp lực văn hóa, xã hội bắt buộc mẹ kế phải tuân theo các giá trị và quan niệm trong các nền văn hóa Á Đông như giữ cho gia đình hòa thuận, chăm sóc các con riêng và gia đình chồng trong khi họ cảm thấy bị kỳ thị khi bị xã hội gắn mác là người xấu hoặc không được công nhận trong vai trò của mình (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018; Nguyễn Thúy Nga, 2014; Shujja Sultan, 2017; Webber Ruth, 2003); (2) Áp lực gia đình từ sự kiểm soát và can thiệp từ phía gia đình chồng, đặc biệt là từ mẹ chồng và các thành viên khác của gia đình chồng trong việc quản lý gia đình, chăm sóc con cái, hoặc thậm chí là sự can thiệp vào cuộc sống cá nhân của mẹ kế (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018; Webber Ruth, 2003); (3) Áp lực từ vai trò làm mẹ trong gia đình, từ việc làm mẹ, làm vợ, quản lý gia đình, đòi hỏi mẹ kế phải cân bằng giữa các vai trò và đáp ứng được nhu cầu của gia đình. Từ những áp lực trên có thể gây ra cảm giác tổn thương, cô đơn hoặc thiếu tự tin cho mẹ kế.

Áp lực đối với vai trò làm mẹ của mẹ kế có nhiều điểm tương đồng với áp lực mà các bà mẹ ruột phải đối mặt. Để thực hiện tốt vai trò này, mọi bà mẹ đều cần có sự chuẩn bị, sự hiểu biết về tâm lý con cái, và sự thấu hiểu sâu sắc (Gafari Sirizi Faezeh, Askari Nodoushan Abbas, & Ruhani Ali, 2023). Những áp lực phổ quát này thường bao gồm các thách thức trong việc đảm bảo dinh dưỡng (tránh suy dinh dưỡng hoặc béo phì), chăm sóc sự phát triển tâm lý (ngăn ngừa các vấn đề như tăng động hoặc tự kỷ), và cung cấp kiến thức cần thiết để phát triển trí não và năng khiếu của trẻ. Thậm chí, các nghiên cứu chỉ ra rằng những bà mẹ cảm thấy tội lỗi vì không đáp ứng được kỳ vọng nuôi dạy con có xu hướng tự ti, căng thẳng và lo âu cao hơn, mặc dù niềm tin làm mẹ quá mức không phải là yếu tố dự báo đáng kể về sức khỏe tâm thần kém (Henderson Angie, Harmon Sandra, & Newman Harmony, 2016). Tuy nhiên, do những khó khăn này mang tính phổ quát trong vai trò làm mẹ, nghiên cứu này sẽ không tập trung vào việc phân tích hay giải quyết các áp lực liên quan đến khía cạnh nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Thay vào đó, nghiên cứu nhận định rằng các áp lực xã hội và văn hóa có tính chất thay đổi và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ bối cảnh thời đại. Do đó, nghiên cứu này sẽ tập trung chuyên sâu vào áp lực văn hóa và xã hội lên việc nuôi dạy con riêng của mẹ kế tại khu vực Đông Á, đặc biệt trong bối cảnh từ thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI trở đi.

4. Kết quả chính

4.1. Áp lực xã hội về hình ảnh người mẹ kế xấu tính

Từ xưa đến nay, dù ở phương Tây hay phương Đông, trong những câu chuyện kể cho trẻ em đều lấy hình ảnh người mẹ kế là phù thủy xấu xa, độc ác, luôn tìm mọi cách để hãm hại, ngược đãi đứa con riêng của chồng như truyện: *Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn*, *Lọ Lem*, *Truyện cổ Grim*, Truyện dân gian Hàn Quốc… (Bahn Geon Ho & Hong Minha, 2019). Mẹ kế xuất hiện trong các câu chuyện kể trên các phương tiện truyền thông, sách, báo cho đến nay đều đại diện cho thế lực xấu bởi tính cách ghen tị, tham lam.

Chức năng của mẹ kế sẽ là người kế tiếp, thay thế mẹ ruột để yêu thương chăm sóc, nuôi dạy con của chồng, quán xuyến công việc nội trợ. Trong quá trình phát triển của một đứa trẻ, người mẹ đóng vai trò quan trọng, với vai trò này người mẹ kế phải thực sự có tình thương mới thực hiện được. Hình ảnh của mẹ kế (1930-1945) tại Việt Nam chịu sự ảnh hưởng của chế độ phong kiến, phong tục lạc hậu như phụ hệ, đa thê,… nên họ trở thành nạn nhân của các chế độ này. Vì hoàn cảnh mà phải biến thành người mẹ kế đầy mưu mô, toan tính để giành quyền lợi và hạnh phúc cho chính mình (Nguyễn Thúy Nga, 2014).

Người Á Đông đề cao giá trị của quan hệ huyết thống, điển hình như tục ngữ Việt Nam: "Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã". Từ xưa, tại đây "đánh giá" mối quan hệ giữa mẹ kế và con chồng như câu ca dao: "Mấy đời bánh đúc có xương/Mấy đời mẹ ghẻ mà thương con chồng", rằng mẹ kế không bao giờ thương con chồng vì không có chung dòng máu ruột thịt. Sự khác biệt về huyết thống là ngọn nguồn để xã hội cho rằng mẹ kế có nhiều lý do để có thể không đối xử tốt với con chồng khiến cho tâm lý cũng như việc nuôi dạy con của họ trở nên khó khăn hơn. Bản năng của người phụ nữ là làm mẹ, nhưng bất kỳ người mẹ nào nếu chưa có kinh nghiệm thì cũng có khả năng mắc lỗi trong việc nuôi dạy con trẻ. Trong quá trình chăm sóc và nuôi dạy con nhỏ, khi mẹ kế mắc lỗi thì bị cho là "do không phải con ruột nên đối xử với con như thế", khiến cho người mẹ bị tổn thương và cảm thấy bị phủ nhận sự cố gắng.

4.2. Áp lực xã hội lên gia đình tái hôn

Xã hội Đông Á hiện nay vẫn chưa có thái độ "bình thường hóa" trọn vẹn dành cho gia đình tái hôn. Việc tái hôn đối với hầu hết nhiều người là mở ra một chương mới cho cuộc đời. Tuy nhiên sự thay đổi này cần có thời gian để người xung quanh làm quen và để những đứa con riêng trong gia đình có thể thích nghi. Trong khoảng thời gian này, người mẹ kế không tránh khỏi những tình huống lúng túng, khó xử.

Việc thiết lập mối quan hệ hài hòa và đảm bảo sự thích nghi của trẻ với gia đình tái hôn là một thách thức lớn đòi hỏi nỗ lực gắn kết đa chiều từ phía mẹ kế. Trong môi trường xã hội, mẹ kế và con riêng phải đối mặt với các tình huống có thể củng cố định kiến và tạo ra rào cản tâm lý, ví dụ như sự trêu chọc từ bạn bè ở trường hoặc những nhận xét vô ý từ người ngoài về sự khác biệt huyết thống. Đối với những trẻ lớn hơn, có sự phát triển về nhận thức, mối quan hệ với mẹ kế thường không thể thay thế được vị trí của mẹ ruột trong cuộc đời chúng, bất chấp mọi nỗ lực của người mẹ kế (Shujja Sultan, 2017). Vấn đề phức tạp hơn nằm ở sự kiến tạo nhận thức tiêu cực từ môi trường xã hội: Khi một cuộc hôn nhân tan vỡ, trẻ thường không được cung cấp một góc nhìn khách quan rằng đây là một cột mốc chuyển tiếp. Ngược lại, những đứa trẻ này thường tiếp nhận nhiều lời lẽ thương cảm, gán cho chúng nhãn mác "bất hạnh" từ cả họ hàng và cộng đồng (Gafari Sirizi Faezeh et al., 2023). Sự ảnh hưởng tiêu cực này dần dần hình thành nhận thức về một gia đình không trọn vẹn, gây cản trở nghiêm trọng đến nỗ lực xây dựng mối quan hệ của mẹ kế. Điều này khiến người mẹ kế dễ rơi vào tình trạng "lực bất tòng tâm" (helplessness) trong việc xây dựng sự gắn kết với con riêng.

Đối với gia đình tái hôn, thái độ xã hội vẫn mang tính phán xét đạo đức mạnh mẽ. Ngay cả khi người mẹ kế có những vấn đề nan giải trong khi đóng vai trò làm vợ, làm mẹ ở gia đình mới và tìm đến sự hỗ trợ từ các nhân viên công tác xã hội. Mặc dù các nhân viên ở đó vẫn giúp đỡ các mẹ kế nhưng vẫn có cái nhìn tiêu cực đối với gia đình tái hôn và mẹ kế (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018).

4.3. Ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo lên vai trò của mẹ kế trong gia đình tái hôn

Vào cuối triều đại Chosun, khi Tống Nho du nhập vào Hàn Quốc, nam giới dần trở thành trung tâm của các mối quan hệ gia đình. Hệ quả là, mẹ kế và những đứa con của người vợ trước phải sống chung và chấp nhận vai trò của nhau trong gia đình, với sự phân biệt rõ rệt giữa mẹ và con. Điều này dẫn đến một thực tế đáng lo ngại: khả năng mẹ kế ngược đãi những đứa con của người vợ trước ngày càng gia tăng, do sự mâu thuẫn sâu sắc giữa tình cảm cá nhân và những nghĩa vụ được đặt ra bởi hệ tư tưởng Nho giáo. Tình huống này thậm chí đã trở thành một phần được chấp nhận trong xã hội như một điều tự nhiên. Điển hình là câu chuyện bi thảm của Janghwa và Hongryeon, được viết trong bối cảnh này, chính là một phản ánh sống động của tình trạng xã hội đương thời (이종서, 2004).

Trong xã hội Nho giáo, địa vị của người phụ nữ bị ràng buộc bởi nguyên tắc tam tòng: ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng mất theo con. Khi về nhà chồng, họ được dạy phải biết kính nhường, giữ mình, tránh làm

trái ý chồng (Nguyễn Anh Cường, 2012). Chính vì thế, không ít phụ nữ buộc phải dựa dẫm vào một người đàn ông, thậm chí tranh giành sự sủng ái để có được vị trí vững chắc và đảm bảo quyền lợi trong gia đình. Điều này khiến họ trở thành tầng lớp cùng khổ nhất trong xã hội phong kiến Nho giáo: không có quyền tự do yêu đương, không được thừa kế tài sản, bị xem thường cả trong gia đình lẫn ngoài xã hội. Học hành đối với họ không phải để mở mang tri thức mà chỉ nhằm phục vụ người khác (Nguyễn Anh Cường, 2012). Chế độ đa thê càng làm tăng thêm sự phân cấp trong gia đình. Bên cạnh quan hệ vợ - chồng còn có sự phân biệt giữa vợ cả, vợ lẽ, con vợ cả và con vợ lẽ. Đáng chú ý, con của vợ lẽ không gọi mẹ ruột của mình là "mẹ" mà phải gọi vợ cả của cha là "mẹ" theo quy tắc gia tộc, gọi mẹ ruột là "dì", "mợ". Dù con vợ lẽ có sinh ra trước thì vẫn bị xem là em, không được ngang hàng với con vợ cả, phản ánh rõ sự phân biệt đẳng cấp ngay trong chính huyết thống gia đình (Trần Đình Hượu, 1989). Chính vì vậy, trong một hệ thống mà quyền lực đồng nghĩa với sự sống còn, phụ nữ càng có địa vị và quyền uy thì càng dễ bảo vệ mình và con mình, trong khi những kẻ yếu thế lại phải chịu cảnh bất công và phụ thuộc.

Chính trong bối cảnh đầy bất công đó, vai trò của mẹ kế trở nên phức tạp và đầy mâu thuẫn. Mẹ kế vốn không có mối quan hệ huyết thống với con chồng buộc phải khẳng định quyền uy của mình qua mối quan hệ tình cảm này để duy trì vị thế. Nếu không có tiếng nói trong gia đình thì người vợ lẽ và con của vợ lẽ phải chịu những bất công về tình cảm cũng như về quyền lợi. Vì vậy, mối quan hệ mẹ kế - con chồng trong xã hội Nho giáo không chỉ là vấn đề cá nhân, mà còn phản ánh rõ nét sự bất bình đẳng về thân phận người phụ nữ và những bất công mà họ bất đắc dĩ phải gánh chịu.

5.Thảo luận

5.1. Nhu cầu trở thành người mẹ thực sự của mẹ kế

Trong các nghiên cứu trước đây, người mẹ kế được cho là có tình yêu thương con chồng. Nếu đứa con càng nhỏ thì mẹ kế càng có xu hướng coi đó là con của mình. Thời gian của mẹ kế bên cạnh con nhiều hơn, đặc biệt là trong những năm trẻ còn nhỏ sẽ hình thành những cảm xúc giống như một người mẹ thực sự (Van Houdt Kirsten, 2022). Nhiều bà mẹ kế mong muốn hoàn thành vai trò được mong đợi là chăm sóc tốt cho con nhỏ, lý tưởng hóa về một gia đình mới hạnh phúc (Lam-Chan Gladys Lan Tak, 2018). Mẹ kế nỗ lực hơn để đạt được mục đích là thể hiện tốt vai trò của mình và chiếm được tình cảm của con riêng và sự yên tâm của người chồng về khả năng của họ.

Có thể lý giải nguyên nhân mà mẹ kế mong muốn trở thành mẹ tốt đối với con chồng thông qua chức năng gia đình của gia đình là thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm và căn cứ vào tháp nhu cầu Maslow.

Gia đình là chỗ dựa về vật chất và tinh thần của nhiều người khi sống trong một thế giới ngày càng có nhiều biến động và trắc trở (kinh tế khó khăn, ô nhiễm môi trường,…). Thông qua mối quan hệ ruột thịt, họ hàng, các thành viên trong gia đình có trách nhiệm quan tâm, săn sóc lẫn nhau. Tình vợ chồng, tình cha tình mẹ, tình anh em,… là tình cảm vô tận không ở đâu ngoài gia đình có thể đáp ứng một cách vô điều kiện được (Thịnh Hoàng Bá, 2017). Vì vậy có thể nói rằng, mẹ kế - một thành viên trong gia đình cũng cần có yêu thương và được yêu thương từ các thành viên khác. Việc toàn tâm toàn ý chăm sóc cho các thành viên trong gia đình gồm chồng và con riêng của chồng là hành động mong muốn được bày tỏ yêu thương và mong muốn nhận lại sự yêu thương tương tự từ những thành viên đó. Ngoài chức năng của gia đình nêu trên, có thể căn cứ vào tháp nhu cầu của Maslow mà cho rằng mẹ kế mong muốn có cảm giác an toàn trong gia đình mới của mình (tầng thứ hai) và được cho và nhận tình yêu thương đến từ các thành viên khác (tầng thứ ba). Đáp ứng được các tầng thứ hai và ba của tháp nhu cầu Maslow là đáp ứng yếu tố cơ bản trong nhu cầu mong muốn của con người. Đó chính là cốt lõi hình thành nguồn động lực sống. Khi đạt được tình yêu thương từ những thành viên trong gia đình thì có thể cho là đạt được hạnh phúc gia đình. Vì thế, mẹ kế cho đến nay đều mong muốn được trở thành người mẹ thực sự đối với con riêng.

5.2. "Bình thường hóa" cái nhìn về gia đình tái hôn

Cho đến nay, cái nhìn của xã hội đối với gia đình tái hôn vẫn chưa hoàn toàn "bình thường". Việc bình thường hóa này có thể thực hiện từ bước cơ bản như thông qua các biểu mẫu chính thức (ví dụ: trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính) khi yêu cầu thông tin chi tiết về gia đình nên được bổ sung để có chỗ ghi thêm thông tin của cha mẹ ruột, cha mẹ kế và địa chỉ của họ. Những thực hành như thế này sẽ khuyến khích trẻ em coi gia đình

riêng là một phần của xã hội bình thường. Ngoài ra, cha mẹ rất cần sự hỗ trợ đặc biệt, nhất là phụ nữ đến tư vấn nhiều hơn nam giới (Webber Ruth, 2003). Vì vậy, các tổ chức xã hội cần đóng vai trò hỗ trợ, không phân biệt giữa mẹ ruột hay mẹ kế, nhằm giúp họ giải quyết được các vấn đề liên quan đến gia đình. Các vấn đề này có thể bao gồm việc chăm sóc trẻ nhỏ, quán xuyến gia đình, quản lý chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày và cả việc hỗ trợ về mặt tâm lý để họ có thể đối mặt và vượt qua các áp lực không đáng có từ xã hội.

Trong lĩnh vực giáo dục và truyền thông, cần có sự thay đổi căn bản trong cách truyền đạt thông điệp. Cụ thể, các câu chuyện, bài giảng và phim ảnh cần loại bỏ hoặc hạn chế việc áp đặt hình ảnh tiêu cực, độc ác của nhân vật mẹ kế. Thay vào đó, nên đưa ra những nội dung mang hình ảnh tích cực về gia đình tái hôn và vị trí của người mẹ kế trong gia đình đó. Mặc dù hình ảnh tiêu cực về mẹ kế đã được kiến tạo và duy trì bền vững qua nhiều thế kỷ thông qua văn học và nghệ thuật dân gian, gần đây đã có sự xuất hiện của những biểu tượng truyền thông mới nhằm phản ánh sự thay đổi trong nhận thức xã hội Đông Á về vai trò này. Các tác phẩm truyền hình hiện đại đã và đang nỗ lực thách thức khuôn mẫu truyền thống. Điển hình là bộ phim Nhật Bản "Bản Blues của mẹ kế và con gái" (義母と娘のブルース) phát sóng vào năm 2018 và Hàn Quốc "Hi Bye, Mama!" (안녕 엄마) phát sóng vào năm 2020, đều khắc họa người mẹ kế dưới góc nhìn đa chiều và nhân văn, tập trung vào nỗ lực tình cảm và sự hy sinh trong quá trình nuôi dạy con riêng, thay vì hình tượng độc ác kinh điển. Sự đón nhận rộng rãi của công chúng đối với những bộ phim này là một minh chứng cho thấy khát vọng xã hội về việc "bình thường hóa" và công nhận vai trò của mẹ kế, đồng thời phản ánh xu hướng văn hóa dù mất khoảng thời gian dài nhưng vẫn đang dần tiếp tục phá vỡ các định kiến cố hữu.

Đối với xã hội, một gia đình hạnh phúc luôn mang đầy đủ hình ảnh của các thành viên, trong đó có cả cha và mẹ. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là một cuộc hôn nhân thất bại sẽ dẫn đến việc gia đình đó mất đi hạnh phúc và sự toàn vẹn trong tương lai. Mặc dù là mẹ kế, nhưng nếu người phụ nữ đó có khả năng và lòng chăm sóc, lo lắng cho sự ấm no của gia đình và sự phát triển toàn diện của các con, thì tình yêu thương và sự quan tâm đó không khác biệt so với một gia đình có mẹ ruột.

5.3. Hệ lụy của tư tưởng Nho giáo đối với vai trò của mẹ kế trong gia đình hiện đại

Tư tưởng Nho giáo với chế độ gia trưởng, trọng nam khinh nữ và quan niệm huyết thống chính thống đã góp phần khiến mẹ kế có vị thế thấp kém trong gia đình truyền thống Á Đông. Dù xã hội hiện đại đã có nhiều thay đổi, nhưng những định kiến và mâu thuẫn này vẫn còn tồn tại trong nhiều gia đình tái hôn, gây ra những hệ lụy về tâm lý, quan hệ gia đình và bình đẳng giới.

Xã hội hiện đại vẫn kỳ vọng mẹ kế phải làm tròn bổn phận, nhưng không trao cho bà đầy đủ quyền lợi. Nếu cha dượng không nuôi dạy con riêng của vợ, đó có thể được xem là điều "bình thường". Nhưng nếu mẹ kế không chăm sóc con riêng của chồng tận tình, bà có thể bị chỉ trích là người ích kỷ, độc ác tương tự như hình ảnh mẹ kế trong các câu chuyện dân gian và tư tưởng Nho giáo truyền thống.

Ngày nay, phụ nữ không còn chỉ giới hạn trong vai trò nội trợ mà đã vươn ra gánh vác cả việc nước lẫn việc nhà, sánh vai cùng nam giới trong mọi lĩnh vực, từ lao động sản xuất đến chiến đấu bảo vệ quê hương (Nguyễn Anh Cường, 2012). Nhờ đó, tài chính trong gia đình cũng trở nên cân bằng hơn. Tuy nhiên, dù cùng nuôi dạy con chung và con riêng, khi hôn nhân tan vỡ, mẹ kế có thể không có quyền nuôi con riêng của chồng, dù đã dành nhiều năm gắn bó, chăm sóc và chu cấp cho chúng như con ruột.

6. Kết luận

Nghiên cứu này đã thực hiện tổng quan phân tích hệ thống các công trình nghiên cứu trước đây, từ đó khái quát hóa về mặt lý luận những áp lực xã hội đặc thù tác động lên vai trò mẹ kế trong quá trình nuôi dạy con riêng tại khu vực Đông Á. Kết quả trung tâm được đúc kết là sự tồn tại dai dẳng của sự tồn tại dai dẳng của định kiến và kỳ thị xã hội đối với vai trò mẹ kế, khiến mô hình gia đình tái hôn không được nhìn nhận một cách bình đẳng như gia đình truyền thống. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng áp lực xã hội lên mẹ kế được củng cố bởi một hệ thống tư tưởng bắt nguồn từ Nho giáo, chế độ gia trưởng và sự đề cao quan hệ huyết thống chính thống. Phát hiện này làm rõ rằng, ngay cả trong xã hội hiện đại, người mẹ kế vẫn phải chịu sự bất tương xứng lớn giữa trách nhiệm làm mẹ và quyền lợi, sự công nhận xã hội mà họ nhận được. Sự bất tương xứng này được thể hiện qua các rào cản văn

hóa, sự phán xét từ cộng đồng và hình ảnh tiêu cực trong truyền thông, tạo nên gánh nặng tâm lý lớn. Việc dồn nén các áp lực này là nguyên nhân chính dẫn đến sự căng thẳng gia đình tăng cao, góp phần lý giải tỷ lệ ly hôn cao hơn trong các gia đình tái hôn so với hôn nhân lần đầu. Từ đó, nghiên cứu khẳng định nhu cầu thiết yếu của mẹ kế là được công nhận và kêu gọi thay đổi hình tượng mẹ kế trong văn hóa từ tiêu cực sang trung lập hoặc tích cực.

Nghiên cứu còn tồn tại hạn chế về dữ liệu do sự hạn chế của các tài liệu liên quan trực tiếp đến áp lực của mẹ kế tại Đông Á (quy mô khảo sát nhỏ và thời gian nghiên cứu đã lâu). Hạn chế này mở ra hướng nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo theo từng quốc gia/địa phương và khảo sát các khó khăn thực tiễn trong hoạt động thường nhật của mẹ kế, với mục tiêu cuối cùng là hướng đến một xã hội chấp nhận và hỗ trợ bình đẳng cho các gia đình tái hôn.

Tài liệu tham khảo

Association American Psychological. (2018). *Social pressure.* Retrieved May 16 from https://dictionary.apa.org/social-pressure

Bahn Geon Ho, & Minha Hong. (2019). Shift from Wicked Stepmother to Stepmother in Eastern and Western Fairy Tales. *Psychiatry Investigation,* 16(11), 836. https://doi.org/10.30773/pi.2019.0132

Thịnh Hoàng Bá. (2017). *Giáo trình Gia đình học.* Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mai Huy Bích. (2010). *Xã hội học gia đình.* Khoa học và Xã hội.

Carter Michael J, & Celene Fuller. (2015). Symbolic interactionism. *Sociopedia. ISA,* 1(1), 1-17. https://doi.org/10.1177/205684601561

Nguyễn Anh Cường. (2012). Nho giáo về gia đình và Gia Đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa học Xã hội,* 7(1), 75-84.

Gafari Sirizi Faezeh, Abbas Askari Nodoushan, & Ali Ruhani. (2023). Motherhood in Socio-cultural Context: A Critical Qualitative Study. *Women's Studies Sociological and Psychological,* 21(2), 179-217.

Trần Đình Hượu. (1989). Về gia đình truyền thống Việt Nam với ảnh hưởng nho giáo. *Tạp chí Xã hội học,* (2).

Henderson Angie, Sandra Harmon, & Harmony Newman. (2016). The price mothers pay, even when they are not buying it: Mental health consequences of idealized motherhood. *Sex Roles,* 74(11), 512-526.

Lam-Chan Gladys Lan Tak. (2018). Parenting in stepfamilies: Social attitudes, parental perceptions and parenting behaviours in Hong Kong. *Routledge.* https://doi.org/10.4324/9780429449239

McLeod Saul. (2024). Maslow's hierarchy of needs. *Simply Psychology,* 1(1–18).

Nguyễn Thúy Nga. (2014). Quan hệ mẹ ghẻ con chồng trong văn hóa người Việt. *Luận văn thạc sĩ*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nielsen Linda. (1999). Stepmothers: Why so much stress? A review of the research. *Journal of Divorce & Remarriage,* 30(1–2), 115–148. https://doi.org/10.1300/J087v30n01_08

Ortiz-Ospina Esteban & Max Roser. (2020). Marriages and divorces. *Our World in Data.*

Hoàng Phê. (2021). *Từ điển tiếng Việt.* Hồng Đức.

Ritzer George. (2007). *The Blackwell encyclopedia of sociology* (Vol. 1479). Blackwell Malden, MA.

Shujja Sultan. (2017). Stepmother rejection and psychological maladjustment among stepdaughters: Mediating role of social competence. *Journal of Behavioural Sciences,* 27(2), 17–29.

Van Houdt Kirsten. (2022). Like my own children: A quantitative study of stepparents claiming adult stepchildren. *Journal of Family Issues,* 43(2), 467–487. https://doi.org/10.1177/0192513X2199389

Webber Ruth. (2003). Making stepfamilies work: Step-relationships in Singaporean stepfamilies. *Asia Pacific Journal of Social Work and Development,* 13(2), 90–112. https://doi.org/10.1080/21650993.2003.9755930

Wu Ziyue. (2023). Analysis of the Phenomenon and Causes of Stepmother Culture. *Academic Journal of Management and Social Sciences,* 5(1), 151–154. https://doi.org/10.54097/ajmss.v5i1.14069

이종서. (2004). '전통적'계모관(繼母觀)의 형성과정과 그 의미. *역사와현실,* 51, 135-163.

정옥분. (1997). 초혼계모의 재혼가족생활 스트레스와 적응에 대한 경험적 연구. *대한가정학회지,* 35(5), 73–102.

SOCIAL PRESSURES ON STEPMOTHERS IN RAISING STEPCHILDREN IN SELECTED EAST ASIAN COUNTRIES: A REVIEW OF STUDIES

Tran Thi My Linh

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City

Corresponding author: Tran Thi My Linh – Email: 23831060223@hcmussh.edu.vn

Article History: Received on 11th May 2025, Revised on 27th October 2025, Published on 5th November 2025

Abstract: This study focuses on the significant social pressures that stepmothers face in the process of raising their stepchildren in selected East Asian countries. These pressures not only create considerable challenges for the stepmothers but also impact the broader family structure and community. The origins of these strains are rooted in historical and cultural prejudices, where stepmothers are often negatively portrayed in literature and arts, giving rise to the societal perception that their ability to love and nurture stepchildren is questionable due to the lack of biological kinship. Employing a qualitative analysis method, and synthesizing key findings from relevant studies, this paper conceptualizes the theoretical basis of these social pressures. It specifically discusses the stepmothers' desire to be recognized as genuine mothers and highlights the essential need for social support for remarried families, aiming to help stepmothers effectively manage the pressures encountered while raising their stepchildren.

Key words: social pressure; stepchild; stepmother.